

Bản án số: 110/2025/DS-ST
Ngày: 05/8/2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Minh

Ông Lưu Đức Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 -
Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần
Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 08 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số
165/2025/TLST-DS ngày 27/02/2025 về “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 10/07/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn D; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã X
(cũ: xã X, huyện X), tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: B N, phường B (cũ: Phường E,
Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N; trụ sở: 209 T, phường B (cũ: Phường A, quận T),
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Q (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1, Bà Nguyễn Thiên H; địa chỉ: A chung cư H, A Hồ N, phường C (cũ: Phường
A, Quận E), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2, Ông Nguyễn Văn H1; địa chỉ: 3 N, phường A Tây (cũ: Phường A, quận G),
Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông
Nguyễn Tấn D trình bày:

Thông qua anh Nguyễn Văn H1, nguyên đơn được biết công ty TNHH N đã ký
hợp đồng hợp tác với bác sĩ Nguyễn Thiên H ba năm, tuy nhiên do lý do nội bộ công ty
nên hiện không tiếp tục mở phòng khám mới để hợp tác với bác sĩ Nguyễn Thiên H

được nữa nên có nhu cầu chuyển nhượng hợp đồng hợp tác này cho bên thứ ba và yêu cầu phí giới thiệu là 20.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng). Nguyên đơn đã đồng ý và cọc trước cho H1 9.000.000 VNĐ, số còn lại sẽ được trả sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày 22/10/2024, giữa nguyên đơn và ông Đoàn Văn Q - Giám đốc công ty TNHH N đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng cộng tác của Công ty TNHH N với bác sĩ Nguyễn Thiên H. Ngay sau đó, nguyên đơn đã chuyển cho ông Đoàn Văn Q số tiền là 80.000.000 VNĐ (trong đó 60.000.000 VNĐ (là tiền trả trước cho bác sĩ Nguyễn Thiên H ba tháng và cọc một tháng là 20.000.000 VNĐ).

Nguyên đơn cũng đã chuyển cho ông H1 số tiền là còn lại là 11.000.000 VNĐ tiền giới thiệu. Sau đó, ông Q đã chuyển lại cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 VNĐ vì hợp đồng tính tiền ba tháng là từ ngày 15/10/2024 đến 15/01/2025 nhưng hợp đồng được chuyển nhượng cho nguyên đơn vào ngày 22/10/2024 nên có trừ ra số tiền tương đương.

Theo nội dung hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng cộng tác thì Công ty TNHH N sẽ nhượng lại quyền hợp tác với bác sĩ Nguyễn Thiên H và giao lại toàn bộ hồ sơ tài liệu pháp lý của bác sĩ Nguyễn Thiên H cho nguyên đơn để xin giấy phép hoạt động.

Tuy nhiên hồ sơ giấy tờ mà ông Q bàn giao cho nguyên đơn bị thiếu giấy tờ dẫn đến không thể xin giấy phép hoạt động cho phòng khám được..

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty TNHH N phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 76.000.000 đồng.

Bị đơn - Công ty TNHH N có ông Đoàn Văn Q đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 22/10/2024, Công ty TNHH N có ông là đại diện theo pháp luật đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng cộng tác với ông Nguyễn Tấn D. Theo nội dung hợp đồng bên Công ty chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của hợp đồng cộng tác số 08/HĐCT-VU ngày 30/6/2024 ký giữa Công ty TNHH N và bác sĩ Nguyễn Thiên H cho ông Nguyễn Tấn D. Thực hiện hợp đồng, ông D đã thanh toán cho công ty số tiền 80.000.000 đồng và bên công ty cũng đã bàn giao các giấy tờ pháp lý liên quan trong hợp đồng cho ông D. Nay công ty không đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông D vì ngày 18/10/2024 công ty đã chuyển số tiền 60.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thiên H theo hợp đồng hợp tác, công ty đã làm đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng đã ký giữa hai bên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thiên H trình bày: Bà không ký kết hợp đồng hợp tác với ông Nguyễn Tấn D, bà không nhận tiền từ ông Nguyễn Tấn D, do đó bà không chịu trách nhiệm trong vụ án này, bà xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Ông đã nhận phí môi giới là 20 triệu từ ông D và ông đã trả lại 20 triệu này cho ông D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục, Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về phần nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N; trụ sở: 209 T, phường B (cũ: Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh trả lại tiền theo hợp đồng hợp tác giữa hai

bên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 4 theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên Tòa nhưng không có mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng cộng tác ngày 22/10/2024 đã ký giữa Công ty TNHH N và ông Nguyễn Tấn D có nội dung:

Tại điểm a khoản 2 Điều 1 ghi: “ *Bên A (công ty) chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng cộng tác giữa bên A và bà Nguyễn Thiên H trong hợp đồng số 08/HĐCT-VU ký ngày 30/6/2024 sang cho bên B (ông D)...* ”.

Tại điểm i khoản 1 Điều 6 ghi: “ *Nộp phạt vi phạm theo thỏa thuận: Bên A và bên dịch vụ đồng ý trả lại toàn bộ số tiền cho bên B đã thanh toán, bồi thường thiệt hại cho bên B nếu bên A và bên dịch vụ có hành vi lừa dối gây thiệt hại dẫn đến bên B và Bác sĩ H không thể hợp tác theo hợp đồng cộng tác nêu trên và hợp đồng sang nhượng hợp đồng cộng tác này*”.

Nhận thấy hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng cộng tác ngày 22/10/2024 không có sự tham gia của bác sĩ H, tại Hợp đồng cộng tác số 08/HĐCT-VU ngày 30/6/2024 đã ký giữa Công ty TNHH N và bà Nguyễn Thiên H không có thể hiện nội dung bên Công ty được quyền chuyển nhượng hợp đồng cộng tác này. Nay Bác sĩ H không thể hợp tác theo hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, vì vậy Công ty TNHH N phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền ông Nguyễn Tấn D đã thanh toán cho Công ty. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc Công ty TNHH N phải trả cho nguyên đơn số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 413 Bộ luật Dân sự

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn D:

Công ty TNHH N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn D số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bị đơn - Công ty TNHH N phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn - ông Nguyễn Tấn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003381 ngày 25/2/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND Khu vực 4 – TP HCM;
- Thi hành án Dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Vân